

LUẬN A TỶ ĐẠT MA ĐẠI TỶ BÀ SA

QUYỂN 34

LUẬN VỀ ÁI KÍNH (Phần 6)

Như trong kinh nói: “Có hai sự biết khắp (biến tri), đó là trí biết khắp và đoạn biết khắp”... cho đến nói rộng ra.

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Bởi vì phân biệt rộng về nghĩa trong kinh. Nghĩa là trong kinh nói: “Có hai sự biết khắp, đó là trí biết khắp và đoạn biết khắp.” Trong kinh tuy nói ra như vậy, nhưng không biện giải rộng về nghĩa ấy, kinh là nơi nương tựa căn bản của Luận này, những điều trong kinh không giả thích thì luận này đều cần phải giải thích rộng ra. Lại nữa, trước đây đã nói đoạn trừ cái biết về các Thủ, mà không phân biệt về nghĩa đoạn trừ cái biết đối với các Thủ, nay cần phải phân biệt cho nên soạn ra luận này.

Hỏi: Thế nào là trí biết khắp?

Đáp: Các trí Kiến minh giác hiện quán, đó gọi là trí biết khắp. Trong này, các tên gọi cùng hiển bày nên nghĩa, bởi vì Luận chủ của bản luận này đối với các nghĩa của các chữ có được sự khéo léo tài tình cho nên đưa ra cách nói, đó là đối trị với không biết gì cho nên gọi là Trí, đối trị với ác kiến cho nên gọi là Kiến, đối trị với vô minh cho nên gọi là minh, đối trị với giác cho nên gọi là giác, đối trị với hiện quán cho nên gọi hiện quán.

Hỏi: Trong này là nói đến những trí nào cũng gọi là trí biết khắp?

Đáp: Có người đưa ra cách nói như vậy: Chỉ nói đến vô lậu, nói đến hiện quán. Nguyên cơ thế nào? Bởi vì không phải là thế tục trí mà có thể gọi là hiện quán. Lại có người nói: Nói chung cả trí hữu lậu, vô lậu đều gọi là trí biết khắp. Nguyên cơ thế nào? Bởi vì biết khắp các pháp trong kinh phần nhiều nói là Thế tục trí.

Hỏi: Lẽ nào Thế tục trí cũng gọi là hiện quán chăng?

Đáp: Quán sát rõ ràng là nghĩa của hiện quán. Trong Thế tục trí, có năng lực quán sát rõ ràng các pháp thì cũng gọi là hiện quán, chứ không phải vô lậu được gọi là hiện quán. Bởi vì trong kinh Thành dụ có nói như vậy: “Lúc Ta chưa chứng được Tam-bồ-đề, hiện quán đúng như thật về Sinh duyên Lão tử, chứ không phải là lúc chưa chứng được Tam-bồ-đề mà đã có hiện quán về duyên khởi, với trí vô lậu chân thật có thể gọi là hiện quán.” Vì vậy cho nên biết có Thế tục trí cũng gọi là hiện quán.

Hỏi: Thế tục trí như thế nào cũng gọi là trí biết khắp?

Đáp: Trừ ra thắng giải tác ý tương ứng với Thế tục trí, còn lại Văn-tư-tu quán sát tự tướng, cộng tướng, những Thế tục trí rất rõ ràng ấy cũng được gọi là hiện quán, cũng gọi là trí biết khắp. Văn mà thành tuệ, như quán về tự tướng và cộng tướng của mười tám giới... Tư mà thành tuệ, như trì tức Niệm, bốn niệm trú... Tu mà thành tuệ, như Noãn Đảnh Nhẫn Thế đệ nhất pháp... Những tuệ này và tuệ vô lậu đều gọi là trí biết khắp.

Hỏi: Thế nào là đoạn biết khắp?

Đáp: Các tham vĩnh viễn đoạn trừ, sân si vĩnh viễn đoạn trừ, tất cả phiền não vĩnh viễn đoạn trừ, đó gọi là đoạn biết khắp.

Hỏi: Đối với cảnh sở duyên có thể biết khắp cho nên thiết lập sự biết khắp, gọi là đoạn thì không có sở duyên và tác dụng của biết khắp, vì sao gọi là biết khắp?

Đáp: Đoạn là quả của trí cho nên cũng gọi là biết khắp. Như A-la-hán là quả của Giải, cho nên cũng gọi là Giải; Thiên nhân thiên nhĩ là quả của Thông, cho nên cũng gọi là Thông, sáu xứ bên trong đều là quả của Nghiệp, cho nên gọi là Nghiệp vốn có. Trong này cũng như vậy, đoạn là quả của trí thì cũng gọi là biết khắp.

Hỏi: Do tu mà đoạn thì đoạn là quả của trí, cho nên có thể nói là biết khắp; do kiến mà đoạn thì đoạn Xã là quả của Nhẫn, vì sao gọi là biết khắp?

Đáp: Tôn giả Tăng-già-phiệt-đô nói rằng: “Đây là quả của Tuệ cho nên gọi là biết khắp. Nghĩa là biết khắp có hai loại:

1. Lấy tuệ làm tánh.
2. Lấy trí làm tánh.”

Vị ấy không nên đưa ra cách nói như vậy, bởi vì trong kinh chỉ có hai sự biết khắp:

1. Trí biết khắp.

2. Đoạn biết khắp.

Trí biết khắp lấy trí làm tự tánh, đoạn biết khắp lấy đoạn làm tự tánh, đoạn là quả của trí cho nên gọi là biết khắp, chưa hề có nơi nào nói là tuệ biết khắp, bởi vì biết khắp là tên gọi về tác dụng của trí.

Hiếp tôn giả nói: Nên nói đoạn này gọi là Xã biết khắp, bởi vì xã bỏ sinh tử mà được đoạn này.” Tôn giả đưa ra cách nói như vậy: “Nên nói đoạn này gọi là lý biết khắp, bởi vì thấy rõ nghĩa lý tối thắng của pháp tối thắng, đạt được đoạn tối thắng cứu cánh này”

Hai cách nói này đều là Bất liễu nghĩa, bởi vì cả hai không giải thích về đoạn gọi là biết khắp.

Tôn giả Phật Hộ đưa ra cách nói như vậy: “Đoạn tuy đối với cảnh không có tác dụng của sự biết khắp, nhưng dựa theo tướng mà nói thì cũng gọi là biết khắp. Như mắt của quá khứ, vị lai, tuy không có thấy sắc nhưng dựa theo tướng mà nói có thể gọi là mắt, tai cho đến ý và các tâm sở..., nên biết cũng như vậy. Ở đây cũng như vậy, đoạn là tướng của trí cho nên gọi là biết khắp”

Cách nói ấy phi lý, nguyên cơ thế nào? Bởi vì đoạn này luôn luôn không có tác dụng của sự biết khắp.

Có sư khác nói: Do nhãn mà đoạn thì đoạn là quả của thế tục trí, cho nên cũng gọi là biết khắp. Cách nói ấy phi lý, bởi vì từ cõi Dục cho đến Vô sở hữu xứ, thì sự việc có thể như vậy, nhưng trong địa Hữu danh thì đoạn do kiến mà đoạn, làm thế nào có thể nói là quả của Thế tục trí, bởi vì thế tục trí ở địa ấy không có tác dụng vĩnh viễn đoạn trừ. Vả lại, phần vị dị sinh lúc dùng đạo thế tục để đoạn do kiến mà đoạn thuộc tám địa dưới thì chưa gọi là biết khắp, đến lúc phần vị Kiến đạo thiết lập sự biết khắp thì không có Thế tục trí, làm thế nào nói là quả của Thế tục trí?

Lại có người nói: Do kiến mà đoạn thì đoạn là quả Si dụng của trí vô lậu, cho nên cũng gọi là biết khắp. Nghĩa là trí vô lậu thì đoạn đạo vô gián thứ sáu của cõi Dục thì lúc cứng quả Nhất lai, đạt được tất cả đoạn do kiến mà đoạn thuộc ba cõi; đoạn do tu mà đoạn sáu phẩm của cõi Dục, là quả Nhất lai; dùng trí vô lậu để đoạn đạo vô gián thứ chín của cõi Dục thì lúc chứng quả Bất hoàn, đạt được tất cả đoạn do kiến mà đoạn thuộc ba cõi, và đạt được đoạn do tu mà thuộc cõi dục, là quả Bất hoàn. Lúc định Kim cang dụ hiện trước mắt, đạt được tất cả đoạn do kiến tu mà đoạn thuộc ba cõi, là quả A-la-hán. Vì vậy đoạn ấy cũng gọi là biết khắp.

Người ấy không nên đưa ra cách nói như vậy, bởi vì sáu sự biết

khấp của kiến đạo sẽ không phải là biết khắp. Nên đưa ra cách nói này: Nhẫn là quyết thuộc của trí, là chủng tộc của trí cho nên cũng gọi là trí; đoạn là quả của trí cho nên gọi là biết khắp. Như người sinh ra trong dòng dõi Kiều-đáp-ma thì gọi là Kiều-đáp-ma. Ở đây cũng thuận theo như vậy.

Hỏi: Đoạn nên Thân kiến cũng gọi là biết khắp, vì sao lại nói các tham vĩnh viễn đoạn trừ cho đến tất cả phiền não vĩnh viễn đoạn trừ thì gọi là đoạn biết khắp?

Đáp: Tuy đoạn được kiết mà cũng gọi là biết khắp, nhưng trong này nói về sự biết khắp viên mãn bởi vì tất cả các kiết không còn mới gọi là đoạn biết khắp viên mãn.

Lại nữa, Đức Thế Tôn có lúc đối với trí nói đến âm biết khắp, có lúc đối với đoạn mà nói đến âm biết khắp, như bài kệ nói:

*“Nho đồng đức hạnh và tịch tĩnh, có thể lợi ích các thế gian,
Có trí có năng lực biết khắp, tham ái sinh ra mọi khổ đau.
Có trí nói lời cần phải làm, không làm thì không cần phải nói,
Người trí cần phải biết tất cả, có nói nhưng không có việc làm.”*

Nhân duyên của Vua Đa Cầu là căn bản của tụng này. Nghĩa là xưa kia có vị Vua tên gọi Đa Cầu, bầm tính hung bạo, tham cầu không chán, cướp đoạt tài sản châu báu của người dân trong nước. Thế là các quan phụ tá bần bạc cùng nhau phết ngôi của vua, đưa người em kế lên ngôi vua. Lúc ấy vua Đa Cầu đến nên áp thuộc vùng biên giới trong nước, bện cỏ làm dếp để tự nuôi sống mình. Như vậy qua thời gian dài, em vua bỗng nhiên nhớ lại, hỏi các quan rằng: Đại huynh của ta ở nơi nào? Các quan trả lời rằng: Nghe nói ở tại nên áp thuộc vùng biên giới, bện cỏ làm dếp tự sống qua ngày. Nhà vua nghe nói trong lòng buồn phiền mà tư duy như vậy: Anh mình đã như vậy, nay mình đâu cần ở ngôi vua làm gì? Lập tức cho người mời đến ban cho nên áp, nhưng nhiều người lân cận không cung cấp thức ăn cho ông ta. Như vậy, lại ban cho hai ấp, ba ấp cho đến nên nửa đất nước, ông ta vẫn như xưa không thỏa mãn liền tiếp tục dấy binh giết chết em mình tự lên ngôi vua.

Lúc ấy Thiên Đế thích biết chuyện rồi nghĩ rằng: Nay vua ác độc này không hề biết đến ân nghĩa, bây giờ Ta cần phải đến đó lừa dối mà làm phiền lòng nhà vua. Liền tự hóa làm hình Bà la môn, đội mũ khoác áo có ôm bình cầm gậy, đi chỗ nhà vua kia, nói những lời tốt lành, ca ngợi cầu nguyện rồi đứng ở nên phía. Nhà vua nói: Này Phạm chí! Ông từ nơi nào đến? Bà-la-môn nói: Từ ngoài biển rộng đến đây. Ngoài biển

có sự việc gì cǎng? Trả lời rằng: Tôi thấy có nên đất nước ấy, yên ổn giữ có vui vẻ, dân chúng rất đông, châu báu kì lạ đầy đủ khắp nước ấy. Nhà vua nói: Sức Ta có thể có được điều ấy không? Bà la môn nói; Đi đến thì chắc chắn có thể có được. Nhà vua lại hỏi rằng: Ai dẫn đường cho Ta? Trả lời rằng: Tôi có thể dẫn đường. Nhà vua nói: Mấy ngày sẽ có thể lên đường? Bảy ngày sau. Nói xong liền đi mất.

Lúc ấy, vua Đa Cầu triệu tập binh lính, lo liệu các thứ vật dụng và lương thực đầy đủ. Đến ngày thứ bảy, xa giá nghiêm túc sắp sửa khởi hành, tìm Bà-la-môn nhưng cuối cùng không thể nào tìm được. Nhà vua liền buồn phiền dấy lên ý nghĩa như vậy: Nếu đến nơi ấy thì sẽ có nguồn lợi to lớn! Bởi vì mất đi điều ấy cho nên sự mong mỏi không được như ý, liền đi vào căn phòng nặng trĩu phiền muộn oán giận mà ngồi. Cả nước không người nào hiểu được nỗi sầu muộn của nhà vua.

Lúc ấy, Bồ-tát Thích ca sinh sống ở thôn Đại Bà-la-môn trong nước ấy, có chút nhân duyên cho nên đi đến chốn Vương đô, nghe sự việc như vậy sinh tâm tương xót, nói với các quan rằng: tôi có thể cởi bỏ nỗi sầu muộn thất chặt trong tâm nhà vua. Các quan hoan hỷ dẫn đến trước nhà vua, dùng lời tốt lành để ca ngợi và cầu nguyện xong rồi đứng ở bên phía, giảng giải kệ trong phẩm Nghĩa cho nhà vua nghe:

Người hứng thú mong cầu các dục, luôn luôn khởi lên những hy vọng. Nếu những ham muốn được thỏa mãn, thì lòng dạ vô cùng hoan hỷ. Người hứng thú mong cầu các dục, luôn luôn khởi lên những hy vọng. Nếu những ham muốn không được thỏa mãn, thì sầu não như bị trúng tên.

Như vậy theo thứ tự giảng giải kệ tụng chỉ trích về ham muốn trong phẩm Nghĩa ấy cho nhà vua nghe hết rồi, lập tức Bồ-tát tự lìa xa nhiệm dục. Nhà vua nghe tức thì trừ bỏ nỗi sầu muộn trong tâm, liền vì Bồ-tát mà nói bài kệ đầu: Nho đầu đức hạnh và tịch tĩnh..., cho đến nói rộng ra.

Nghĩa bài tụng này rõ ràng, không cần phải phân biệt làm gì.

Bồ-tát vì nhà vua nói bài tụng thứ hai: Có trí nói lời cần phải làm..., cho đến nói rộng ra.

Nửa trước của bài tụng này là quả trách Đế thích, nghĩa là người có trí nói lời hứa hẹn với người khác thì nhất định phải làm, nếu không muốn làm thì không nên nói; nửa sau là trách nhà vua, nghĩa là người có trí cần phải biết tất cả, nếu có nói ra mà không làm thì có ý muốn quấy nhiễu nhau. Nhưng không có sự việc chân thật, sao nhà vua dốc lòng tin chắc lời nói huyền ảo kia? Ai sẽ có năng lực đến được ngoài

biển? Ai lại có năng lực đến được bờ biển bên kia? Mong nhà vua đừng theo đuổi việc gì ngoài phạm vi của mình!

Đối với đoạn nói đến âm biết khắp. Như trong kinh nói: “Đức Phật bảo với Tỳ kheo: Ta sẽ nói cho ông về pháp đã biết khắp, tự tánh biết khắp, người có năng lực biết khắp. Pháp đã biết khắp, đó là năm Thủ uẩn. Tự tánh biết khắp, đó là tham vĩnh viễn đoạn trừ, người có năng lực biết khắp, đó là A-la-hán vĩnh viễn không còn các lậu, không chấp là có những pháp không cần phải ghi nhớ sau khi Như lai diệt độ.”

Trong này, pháp đã biết khắp gọi là năm Thủ uẩn.

Hỏi: Dựa vào sự biết khắp nào mà đưa ra cách nói như vậy, là trí biết khắp, hay là đoạn biết khắp? Giả sử như vậy thì có gì sai? Nếu dựa vào trí biết khắp mà nói, thì phải nói tất cả pháp là những gì biết khắp, tại sao chỉ nói là năm Thủ uẩn? Nếu dựa vào đoạn biết khắp mà nói, thì cũng không hợp lý, bởi vì năm Thủ uẩn gồm cả hai sự biết khắp, do đó những gì biết khắp không nên nói là chỉ dựa vào đoạn biết khắp?

Đáp: Trong này chỉ dựa vào trí biết khắp mà nói.

Hỏi: Nếu như vậy thì nên nói tất cả pháp là những gì biết khắp, tại sao chỉ nói là năm Thủ uẩn?

Đáp: Như trong Bốn đế, chỉ nói Khổ đế là cần phải biết khắp, giải thích nguyên cớ của điều ấy chính là dựa vào đây. Có sư khác nói: Trong này chỉ dựa vào đoạn biết khắp mà nói.

Hỏi: Năm Thủ uẩn này gồm cả hai sự biết khắp, do đó những gì biết khắp không nên nói là chỉ dựa vào đoạn biết khắp mà đưa ra cách nói như vậy?

Đáp: Như trong Bốn đế, chỉ nói diệt đế là cần phải tác chứng, giải thích về nguyên cớ của điều ấy chính là dựa vào đây. Trong này lại có nên nhân bất cộng, đó là đoạn biết khắp chỉ có thể đạt được đối với Thủ uẩn, chứ không phải là tự tánh biết khắp nào khác, nghĩa là tham vĩnh viễn đoạn trừ, sân, si vĩnh viễn đoạn trừ, tất cả phiền não vĩnh viễn đoạn trừ.

Hỏi: Trong kinh khác nói: “Tất cả hành Đoạn Ly Diệt gọi là cảnh giới của Đoạn Ly Diệt.” Tất cả hành tức là tất cả pháp hữu lậu, vì sao trong này chỉ nói tất cả phiền não đoạn trừ gọi là đoạn biết khắp?

Đáp: kinh ấy là Liễu nghĩa thì không có cách nói nào khác, kinh này là Bất liễu nghĩa thì có cách nói khác. Nghĩa là Đức Thế Tôn nói: Phiền não là trước tiên các pháp hữu lậu đều vĩnh viễn đoạn trừ. Lại nữa, bởi vì các phiền não khó đoạn trừ, khó phá bỏ, khó có thể vượt qua được, cho nên chỉ nói đến điều đó. Lại nữa, bởi vì các phiền não có

nhiều tai họa sai lầm, không nhận ra chánh lý, chướng ngại đến Niết-bàn và các Thánh đạo, cho nên chỉ nói đến nó. Lại nữa, bởi vì phiền não là tự tánh đoạn trừ, đoạn trừ rồi không thành tự, pháp hữu lậu khác không phải là tự tánh đoạn trừ, đoạn trừ rồi vẫn thành tự, cho nên chỉ nói đến phiền não vĩnh viễn đoạn trừ. Lại nữa, bởi vì các phiền não đang lần lượt chuyển tiếp trái ngược nhau với Thánh đạo, các pháp hữu lậu thiện-vô phú-vô ký khác thì không như vậy, cho nên chỉ nói đến phiền não. Như ngọn đèn cùng với bóng tối lần lượt chuyển biến trái ngược nhau, chứ không phải là bình đựng dầu bắc đèn, nhưng lúc ngọn đèn được thắp sáng thì đích thực có công năng phá tan bóng tối, cũng làm cho bình đựng nóng lên dầu cạn tim cháy. Như vậy Thánh đạo cùng với phiền não trái ngược lẫn nhau, cho nên Thánh đạo hiện tiền thì đích thực đoạn trừ phiền não, cũng khiến cho pháp hữu lậu khác bị đoạn trừ, bởi vì pháp hữu lậu và phiền não cùng chung sự đối trị.

Người có năng lực biết khắp, đó là A-la-hán, cho đến nói rộng ra.

Hỏi: Hữu học cũng là người có năng lực biết khắp, vì sao chỉ nói là A-la-hán?

Đáp: Bởi vì dựa vào thù thắng mà nói, nghĩa là pháp Vô học là pháp thù thắng nhất trong các pháp, Bồ-đặc-già-la Vô học là bậc thù thắng nhất ở trong các Bồ-đặc-già-la, cho nên chỉ nói đến A-la-hán. Lại nữa, Học tuy biết khắp mà chưa có năng lực đoạn khắp, Vô học biết khắp mà cũng có năng lực đoạn khắp, cho nên chỉ nói đến Vô học. Lại nữa, trong này chỉ nói đến đoạn biết khắp, nghĩa là Vô học cứu cánh viên mãn đối với đoạn biết khắp, Hữu học thì không như vậy, cho nên chỉ nói đến Vô học. Lại nữa, bởi vì đoạn khắp cho nên gọi là đoạn biết khắp, Hữu học thì không như vậy, cho nên không nói đến Hữu học. Lại nữa, trước đây nói tất cả phiền não vĩnh viễn đoạn trừ gọi là đoạn biết khắp, nay nói thành tựu sự biết khắp này chỉ riêng A-la-hán.

Những người Quy y Phật thì quy y nơi nào? Cho đến nói rộng ra

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Vì đối với người không phải là nơi quy y mà khởi lên ý tưởng quy y, biểu hiện rõ ràng nơi quy y chân thật, khiến cho họ rời bỏ nơi ấy quay về nơi này. Như trong kinh nói:

“Mọi người vì sợ hãi bức bách, phần nhiều quay về nương tựa các núi,

Vườn cây yên lặng và rừng rậm, cây to đơn độc và tháp miếu...

Quy y nơi này không ưu việt, quy y nơi này không tôn quý,

Không nhờ vào quy y nơi này, có thể giải thoát mọi đau khổ.
 Đối với những người quy y Phật, quy y Pháp và quy y Tăng,
 Ở trong phạm vi Bốn thánh đế, luôn luôn dung tuệ mà quán sát
 Biết về Khổ và Khổ tập, biết vĩnh viễn vượt qua các khổ,
 Biết rõ về Tám chi Thánh đạo, hướng về chốn Niết-bàn an vui
 Quy y nơi này ưu việt nhất, quy y nơi này tôn quý nhất, chắc chắn
 nhờ quy y nơi này, có thể giải thoát mọi khổ đau”

Lại nữa, vì đối với người quy y có ngu si lầm lạc, giúp cho họ có được hiểu biết đúng đắn, không có gì lưỡng lự. Nghĩa là hoặc có người nói: Quy y Phật là quy y thân tướng được kết hợp tạo thành do đầu cổ bụng lưng và tay chân...của Như lai. Nay hiển bày thân này do cha mẹ sinh ra và nuôi lớn, là pháp hữu lậu chứ không phải là nơi quy y, nơi quy y ấy là Pháp Vô học thành tựu Bồ đề của Phật chính là Pháp thân. Hoặc lại có người nói: Quy y Pháp là quy y Ba đế, hoặc là các pháp thiện_ bất thiện-vô ký..., hoặc là Học xứ chế định cho Tỳ kheo, đó là điều này nên làm-điều này không nên làm... Nay hiển bày những pháp này là hữu vi hữu lậu chứ không phải là nơi quy y, nơi quy y ấy chỉ có Diệt đế, là Niết-bàn hết ái. Hoặc lại có người nói: Quy y Tăng là quy y Tăng xuất gia thuộc bốn dòng họ. Nay hiển bày oai nghi hình tướng của Tăng này, đều là hữu lậu chứ không phải là nơi quy y, nơi quy y có nghĩa là thành tựu pháp Học-Vô học của Tăng già. Vì những nhân duyên này cho nên soạn ra phần luận này.

Hỏi: Những người quy y Phật thì quy y nơi nào?

Đáp: Nếu pháp Phật có - hiện có - tướng cùng với tướng mà thi thiết bằng mọi ngôn từ giải thích, gọi là Phật đà; quy y tất cả pháp Vô học thành tựu Bồ đề ấy, thì gọi là quy y Phật. Trong này nếu pháp thân thật có, thì đó là hiển bày thật có thể của Phật lấy pháp làm tự tánh. Lời nói này là vì ngăn chận, hoặc có người nói: Phật chỉ là tên gọi, chỉ là ý tưởng, chỉ là tạm mượn để chứ không có thể chân thật. hiện có là hiển bày Thể của Phật như hiện tại có thật chứ không phải là đã từng có. Các ý tưởng là hiển bày duyên với những ý tưởng về Phật. Tướng ấy là hiển bày tướng này cùng khởi lên tất cả. Thi thiết nghĩa là dựa vào tướng mà thi thiết tên gọi. Ngôn thuyết nghĩa là dựa vào tên gọi mà chuyển đổi bằng ngôn từ giải thích.

Hỏi: Nếu pháp Vô học thành tựu Bồ-đề ấy là Phật chân thật thì trong kinh đã nói phải thông hiểu thế nào? Như nói: “Này Trưởng giả! Sao gọi là Phật? Nghĩa là có người họ Thích cạo bỏ râu tóc, khoác áo cà sa, chánh tín xuất gia, đầy đủ Nhất thiết trí thì gọi là Phật”

Đáp: Dùng thân sở y để hiển bày pháp năng y, cho nên đưa ra cách nói như vậy, đối với lý không có gì trái ngược.

Hỏi: Nếu như vậy thì ác tâm làm thân Phật chảy máu, vì sao điều ấy mắc tội Vô gián?

Đáp: Bởi vì làm hại thân sở y, khiến cho pháp năng y cũng hủy hoại theo, cho nên phải mắc tội Vô gián. Lại nữa, thân ấy duyên với pháp Vô học thành tựu Bồ đề, bởi vì khởi lên ác tâm cho nên phải mắc tội vô gián, nghĩa là người kia vì chán ghét pháp Vô học mà làm tổn hại thân Phật thì phải mắc tội vô gián, chứ không phải là chỉ khởi tâm muốn làm thân Phật chảy máu.

Hỏi: Những người quy y Pháp thì quy y nơi nào?

Đáp: Nếu pháp thật có, hiện có, tướng cùng với tướng mà thi thiết bằng mọi ngôn từ giải thích, gọi là Đạt-ma, quy y ái tận ly diệt và Niết-bàn như vậy, thì gọi là quy y pháp. Trong này, nếu pháp thật có, thì đó là hiển bày thật có Niết-bàn. Lời nói này vì ngăn chặn có người đưa ra cách nói như vậy: Chỉ có các Khổ diệt trừ thì nói là Niết-bàn, chứ không phải là thể thật có. Vì muốn hiển bày Niết-bàn thật có tự thể, cho nên đưa ra cách nói như vậy. Hiện có là hiển bày Niết-bàn như hiện tại có thật chứ không phải là có trên giả thiết. Còn lại như trước đã giải thích. Có bản chỉ nói: Quy y ái tận ly diệt và Niết-bàn thì gọi là quy y Pháp chứ không nói ngôn từ như thật có, hiện có... Điều này có nghĩa gì? Nghĩa là thể của Niết-bàn vắng lặng lia xa tướng, ý tướng, tên gọi và ngôn từ giải thích vốn không đạt tới, bởi vì ở trong phạm vi không có mà chấp là không, thì điều này không hợp lý. Vì tà kiến bác bỏ không có Niết-bàn vắng lặng hiện thực có thể đạt được, cho nên điều này chỉ cần nói là người tụng quên mất.

Hỏi: Những người Quy Y Tăng thì quy y nơi nào?

Đáp: Nếu pháp thật có, hiện có tướng cùng với tướng mà thi thiết bằng mọi ngôn từ giải thích, gọi là Tăng già, quy y tất cả pháp, Học - vô học thành tựu Tăng già ấy, thì gọi là quy y Tăng. Trong này nếu pháp thật có, thì đó hiển bày thật có thể của Tăng già lấy pháp làm tự tánh. Lời nói này là ngăn chặn, hoặc có người nói: Tăng chỉ là tên gọi, chỉ là ý tưởng, chỉ là tạm mượn để thi thiết chứ không có thể chân thật. Hiện có là hiển bày Thể của Tăng như hiện tại thật có chứ không phải là đã từng có... Còn lại như trước đã giải thích.

Hỏi: Cái gì là sở quy y? Cái gì là năng quy y? Quy y là nghĩa gì?

Đáp: Sở quy y nghĩa là toàn phần Diệt đế và phần ít của Đạo đế, đó là trừ ra hai đạo vô lậu của Bồ-tát, và trừ ra ba đạo vô lậu của Đệ

giác, những đạo đế còn lại đều là sở quy y thì có người nói là tên gọi..., có người nói là ngữ nghiệp, có người nói cũng là thân nghiệp, có người nói là tín. Nên đưa ra cách nói như vậy. là thân nghiệp-ngữ nghiệp và năng lực khởi lên tâm, tâm sở pháp của nó, cùng với các tùy hành. Như vậy năm uẩn thiện là thể của Năng quy y. nghĩa của quy y đó là nghĩa về cứu hộ là nghĩa của quy y.

Hỏi: Nếu nghĩa về cứu hộ là nghĩa của quy y, thì Thiên thụ cũng đã từng quy y Tam bảo, tại sao lại đọa vào địa ngục Vô gián?

Đáp: Những hữu tình quy y Phật, Pháp, Tăng bảo, không phá bỏ học xứ không vi phạm luật nghi, không vượt qua pháp đắc, thì có năng lực cứu hộ; Thiên thụ phá bỏ Học xứ, hủy phạm luật nghi, trái ngược pháp đắc, tuy quy y tam bảo mà không đạt được cứu hộ. Giống như người sợ hãi kẻ thù, tìm đến nương nhờ Quốc vương xin được cứu hộ, Quốc vương bảo rằng: Nếu ông luôn luôn tự mình không trái với pháp luật của ta, không vượt qua giới hạn ta quy định, thì ta có thể luôn luôn làm nơi cứu hộ cho ông; nếu làm trái pháp luật của ta, vượt qua giới hạn ta đã quy định, thì ta không thể nào cứu hộ được. Chúng sinh cũng như vậy, sợ hãi nẻo ác và khổ đau của sinh tử, cho nên quy y Phật, Pháp, Tăng, nếu không phá hỏng giới, chịu khó tu đạo thì được cứu hộ; còn lại thì không như vậy. Lại nữa, tùy theo tâm quy y thuộc ba phẩm Thượng Trung Hạ, vẫn được Tam bảo cứu hộ như vậy, do đó Thiên Thụ chỉ trừ ra nên đọa ở địa ngục và cõi người, đối với những nẻo ác, nẻo thiện khác thì sinh tử đều đạt được Phi trạch diệt, lẽ nào là không phải là Tam bảo cứu hộ cho Thiên thụ hay sao? Vì vậy nghĩa về cứu hộ chính là nghĩa của quy y.

Hỏi: Quy y Phật là quy y nên đức Phật, hay là hết thấy chư Phật? Giả sử như vậy thì có gì sai? Nếu quy y nên Đức Phật thì làm sao không phải là quy y nên phần ít? Nếu quy y hết thấy chư Phật thì làm sao chỉ nói là con quy y Đức Phật, chứ không nói là hết thấy? Trong kinh đã nói lại thông hiểu như thế nào? Như nói: “Con là đệ tử của Như lai Thắng quán, con là đệ tử của Như lai Đảnh kế, cho đến con là đệ tử của Như lai Năng Tịch”

Đáp: Nên đưa ra cách nói như vậy: Quy y Phật là quy y hết thấy chư Phật vì số lượng vượt quá hằng hà sa số.

Hỏi: Nếu như vậy thì tại sao chỉ nói là con quy y Đức Phật, chứ không nói là hết thấy?

Đáp: Phật là nói tổng quát thâu nhiếp hết thấy Như lai, bởi vì cùng chung chủng loại cho nên dùng nên từ mà nói hết thấy.

Hỏi: Trong kinh đã nói lại thông hiểu như thế nào? Như nói: “Con là đệ tử của Như lai Thắng Quán...”

Đáp: Tùy theo sự xuất gia thấy được chân lý nhờ vào Đức Phật ấy, thì nói con là Đức Phật ấy. Đây là nói về nương tựa chứ không nói đến quy y.

Hỏi: Quy y Pháp là quy y các Uẩn diệt của tự tướng tục, hay là quy y các uẩn diệt của trí vô tình? Giả sử như vậy thì có gì sai? Nếu cũng quy y các Uẩn diệt của Tha tướng tục..., thì làm sao chỉ nói là con quy y Pháp, chứ không nói là hết thấy? Và lại, làm sao nói nghĩa về cứu hộ là nghĩa của quy y, bởi vì các uẩn diệt của Tha tướng tục..., đối với mình không có nghĩa về cứu hộ?

Đáp: Nên đưa ra cách nói như vậy: Quy y hết thấy uẩn diệt của Tự Tha tướng tục và trí vô tình.

Hỏi: Nếu như vậy thì tại sao chỉ nói là con quy y Pháp, chứ không nói là hết thấy?

Đáp: Pháp là nói tổng quát thấu nhiếp hết thấy pháp diệt, bởi vì cùng chung chủng loại cho nên dùng nên từ mà nói hết thấy

Hỏi: Các uẩn diệt của Tha tướng tục..., đối với mình không có nghĩa về cứu hộ, thì quy y làm gì?

Đáp: Pháp ấy tuy đối với mình không có nghĩa về cứu hộ, mà pháp ấy đối với người khác lại có nghĩa về cứu hộ, bởi vì sự cứu hộ bằng nhau, cho nên cũng quy y và dựa vào đây mà đạt được, do đó nói đến quy y

Nếu dựa vào tự tánh tùy theo pháp hữu lậu có nơi ấy, do Tự Tha mà đạt được lìa xa hệ thuộc, tất cả diệt đối với mình đều có nghĩa cứu hộ.

Hỏi: Quy y Tăng là quy y nên đệ tử của Phật, hay là quy y tất cả đệ tử của Phật? Giả sử như vậy thì có gì sai? Nếu chỉ quy y nên đệ tử của Phật, thì làm sao không quy y nên phần ít? Nếu như quy y tất cả đệ tử của Phật, thì làm sao chỉ nói là con quy y Tăng, chứ không nói là hết thấy? Và lại, trong kinh nói nên thông hiểu như thế nào? Như nói: “Đức Phật bảo khách buôn: Đời vị lai có Tăng, ông cũng nên quy y.”

Đáp: Nên nói là quy y tất cả đệ tử của Phật.

Hỏi: Nếu như vậy thì tại sao chỉ nói là con quy y Tăng, chứ không nói hết thấy?

Đáp: Tăng là nói tổng quát thấu nhiếp các đệ tử của Phật, bởi vì cùng chung chủng loại cho nên dùng nên từ mà nói hết thấy.

Hỏi: Trong kinh đã nói, lại thông hiểu thế nào? Như nói: “Đức

Phật bảo với khách buôn...”

Đáp: Quá khứ-hiện tại tuy cũng có đệ tử của Như lai khác mà không phải là hiện tại trông thấy, Tăng ở đời vị lai hiện rõ và trông thấy, cho nên chỉ nói đến Tăng ở đời vị lai, bởi vì hiểu rằng thế gian hiện tại trông thấy như Kiều-trần-na... Lại nữa, bởi vì hiển bày Tăng bảo rất khó được gặp, nghĩa là tuy Phật xuất hiện ở thế gian mà Tăng hãy còn chưa có. Lại nữa Tăng ở đời vị lai không phải là hiện tại, cho nên Đức Phật chỉ nói đến Tăng vị lai là có khiến cho những khách buôn sih tâm khao khát và ngưỡng mộ. Lại nữa, hiện tại-quá khứ tuy có Tăng khác, nhưng đức Phật muốn hiển bày trong vị lai sẽ có đệ tử của mình, cho nên nói như vậy. Lại nữa, trong kinh giải thích cũng nói, tức là hiển bày cũng có đệ tử của Phật khác khiến cho họ quy y, sợ rằng khách buôn nói là không có Tăng bảo ở vị lai, cho nên Đức Phật ví khách buôn mà nói khiến cho cũng quy y.

Hỏi: Ở nẻo nào và ở nơi nào có sự quy y này?

Đáp: Quy y có hai loại:

1. Cùng với luật nghi.
2. không cùng với luật nghi.

Cùng với luật nghi, là chỉ thuộc về ba châu của loài người chứ không nơi nào khác. Không cùng luật nghi là gồm cả các nẻo, các nơi khác.

Hỏi: Nếu không thọ quy y mà thọ luật nghi, thì lúc ấy có được luật nghi hay không?

Đáp: Có người nói không được luật nghi, bởi vì người thọ luật nghi cần phải dựa vào ba quy y, vì ba quy y là cửa ngõ đạt được luật nghi. Có người nói cũng được luật nghi, nghĩa là không biết thứ tự trước sau để thọ ba quy y và luật nghi, hoặc quên mất, thì người không thọ ba quy y mà thọ được luật nghi, như vậy người trao quyền phải mắc tội; nếu như kiêu mạn mà không thọ ba quy y, chỉ thọ luật nghi, thì người ấy chắc chắn không thể được.

Hỏi: Là cần phải tự mình phát ra lời nói bày tỏ thọ quy y thì mới được quy y, hay là người khác nói lời bày tỏ thọ quy y thì cũng được quy y?

Đáp: Có người đưa ra cách nói như vậy: Cần phải tự mình nói lời bày tỏ thọ quy y thì mới được quy y.

Hỏi: Nếu như vậy thì trong kinh nói nên thông hiểu như thế nào? Nghĩa là “Lúc Đức Thế Tôn sắp nhập Niết-bàn, A-nan thưa với Đức Phật: Trong thành Câu-thi có các lực sĩ và quyến thuộc của họ đều cùng

nhau quy y Phật-Pháp-Tăng bảo”

Đáp: có người đưa ra cách nói như vậy: Nhờ Thần lực của Đức Phật lúc sắp Niết-bàn, dựa vào lời nói của người khác bày tỏ thọ ba quy y thì cũng được quy y, lúc khác thì không được, mà cần phải tự mình thọ. Có sư khác nói: Tôn giả A-nan trước đó đi vào thành Câu-thi, cho các lực sĩ... thọ ba quy y rồi, sau mới thưa với Đức Phật. Bởi vì muốn hiển bày Đức Thế Tôn sắp nhập Niết-bàn mà còn có vô lượng đệ tử được hóa độ, cho nên nói như vậy, chứ không phải là do lúc này A-nan thưa với Đức Phật mới được quy y. Lại có người nói của người khác bày tỏ thọ ba quy y thì cũng được quy y, như người nữ Ca-thi-ca và những người khác, nhờ vào lời nói của người khác mà bày tỏ mà được quy y.

Hỏi: Có người còn trong thai mẹ, hoặc đang còn là trẻ sơ sinh, những bà mẹ thay con thọ ba quy y và luật nghi, thì thai nhi hoặc trẻ sơ sinh cảm được hay không?

Đáp: Bởi vì thai nhi và trẻ sơ sinh vô tâm, tuy đều không cảm được nhưng cần phải cho thọ, khiến sau này trẻ thơ ấy thuận theo mà tu thiện, nghĩa là trẻ thơ ấy trưởng thành nếu phá hoại Tam bảo, hoặc tạo ra ác nghiệp, thì họ sẽ bị quở trách rằng: lúc con còn trong thai mẹ hoặc đang còn là trẻ sơ sinh, trước kia đã thọ ba quy y và luật nghi, làm sao bây giờ lại khinh chê Tam bảo tạo ra những ác nghiệp? Người ấy nghe mà hổ thẹn, sinh lòng kính trọng Tam bảo, lia bỏ những ác nghiệp, lại tiếp tục thọ trì. Vì có lợi ích như vậy, cho nên cần phải trước tiên cần phải thọ thay cho thai nhi và trẻ sơ sinh. Lại nữa vì khiến cho Thiên thần ủng hộ con mình, cho nên những bà mẹ thay cho con mình thọ ba quy y và luật nghi, nghĩa là thọ thay con rồi tin tưởng cung kính Tam bảo, chư Thiên, Thiên thần chắc chắn sẽ ủng hộ thai nhi không để cho phải chết bất ngờ, không gặp phải bệnh tật nan y.

Hỏi: Trẻ thơ ấy trong đời trước tu thiện nghiệp gì, nay ở trong bụng mẹ hoặc đang còn là trẻ sơ sinh mà đã được mẹ cho thọ ba quy y và luật nghi?

Đáp: Trẻ thơ ấy trong đời trước luôn luôn thích ca ngợi ba quy y và giới hạnh thanh tịnh cũng khuyến khích vô lượng trăm ngàn hữu tình quy y Tam bảo và thọ giới thanh tịnh, hoặc lại bố thí vật dụng tiền bạc cho người khác thọ trì ba quy y và luật nghi, cho nên thân đời này cảm được lợi ích tốt lành như vậy. Như trong kinh nói: “Người quy y Phật, không rơi vào nẻo ác mà sinh trong chốn trời-người, thọ những niềm vui sướng”

Hỏi: Hiện thấy ở thế gian, người quy y Phật, không rơi vào nẻo

ác, hoặc là nhận chịu nhiều đau khổ, vì sao Đức Thế Tôn đưa ra cách nói như vậy?

Đáp: Nếu tâm tăng thượng không chú ý đến thân mạng, thì người quy y Phật cảm được lợi ích tốt lành này, chứ không nói là tất cả cho nên không trái ngược. Có Sư khác nói: Đây là dựa vào người đã được chứng tịnh mà nói, chứ không nói là tất cả.

Hỏi: Phật dựa vào Pháp sinh ra, Pháp hơn hẳn so với Phật, vì sao trước tiên nói là quy y Phật?

Đáp: Phật là Giáo chủ, nếu Đức Phật không nói thì pháp không hiển hiện được, vì vậy trước hết là quy y Phật. Lại nữa, như người có bệnh, trước hết tìm tòi lương y. Tiếp đó cầu có thuốc tốt lành, sau cùng tìm người chăm sóc. Phật như lương y, Pháp như thuốc tốt, Tăng như người khéo léo chăm sóc cho người bệnh uống thuốc, cho nên ba quy y theo thứ tự như vậy.
